

TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN
KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CP CẢNG ĐỒNG NAI

Số: 431/CV-CDN
V/v bổ sung thông tin Báo cáo thường
niên năm 2012

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 05 năm 2013

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM

Lời đầu tiên Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Sở và cảm ơn sự giúp đỡ của Quý Sở trong thời gian vừa qua.

Vừa qua, Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai đã nộp báo cáo thường năm 2012, tuy nhiên do hoàn thành trong thời gian gấp rút, có một số thông tin còn sót và bố trí chưa theo thứ tự trong nội dung báo cáo thường niên.

Nay Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai nộp bổ sung báo cáo thường niên năm 2012 để Quý Sở kịp thời công bố thông tin.

Trân trọng

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT

TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Bạch Mai

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

- ✚ Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
- ✚ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600334112 (Giấy chứng nhận ĐKKD lần đầu số 4703000301 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 04 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 27 tháng 12 năm 2010)
- ✚ Vốn điều lệ: 82.319.980.000 đồng
- ✚ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 41.983.200.000 đồng (51%/vốn điều lệ)
- ✚ Địa chỉ: Phường Long Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai
- ✚ Số điện thoại: 061 3832225 Fax: 061 3831259
- ✚ Email: info@dongnaiport.com.vn Website: www.dongnai-port.com
- ✚ Mã cổ phiếu: PDN



**PHẦN I
THÔNG TIN CHUNG**

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT.....	5
PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	7
LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN.....	10
THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN.....	14
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY.....	716
CÁC RỦI RO.....	17

**PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD.....	20
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	21
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	25
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.....	26
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG.....	27

**PHẦN III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD.....	31
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	33
TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	34

**PHẦN IV
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	37
ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD.....	37
KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT.....	37

**PHẦN V
QUẢN TRỊ CÔNG TY**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	41
BAN KIỂM SOÁT.....	44
CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD, BKS.....	45

**PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**



DONGNAI PORT (PDN)

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch Hội đồng quản trị Đỗ Văn Sâm

Kính thưa Quý vị cổ đông!

Năm 2012, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành kinh doanh cảng còn gặp nhiều khó khăn sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, chưa thể phục hồi lại như tình trạng ban đầu. Đối với Cảng Đồng Nai, đây cũng là năm có nhiều khó khăn, thách thức, thể hiện ở tình hình lạm phát khá cao, tỷ giá biến động, giá cả đầu vào tăng... làm ảnh hưởng rất nhiều đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trước những biến động của nền kinh tế, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã bám sát sự diễn biến của thị trường, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, kịp thời tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ kinh doanh năm 2012 mà Đại hội đồng cổ đông đã giao. Kết quả, Cảng Đồng Nai đã vững vàng vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch kinh doanh đạt các mục tiêu tăng trưởng, doanh thu và lợi nhuận.

Cảng Đồng Nai cũng đã triển khai việc xây dựng chiến lược phát triển kinh doanh tới năm 2015 với sứ mệnh và tầm nhìn của công ty, cùng với những giá trị cốt lõi để làm nên một Cảng Đồng Nai trên đà phát triển.

Để đạt được sứ mệnh và các mục tiêu đã đặt ra, năm 2013 sẽ tiếp tục là năm xây dựng và hoàn thiện nền tảng mới cho sự phát triển. Trên cơ sở một nền tảng mới vững chắc và một thương hiệu uy tín, Cảng Đồng Nai sẽ tiếp tục thực hiện chuyển đổi và phát triển, cung cấp cho khách hàng các dịch vụ tốt nhất trong lĩnh vực kinh doanh khai thác cảng. Đây là điều kiện để Cảng Đồng Nai nâng cao khả năng cạnh tranh và tạo ra những sự tăng trưởng mạnh về doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông, khách hàng và người lao động.

Thành công của Cảng Đồng Nai trong suốt chặng đường hơn 20 năm qua chính là thành quả của sự lao động, sáng tạo của lớp lớp các thế hệ cán bộ, công nhân viên công ty và sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, cổ đông và các đối tác dành cho Cảng Đồng Nai.

Tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hợp tác quý báu và thường xuyên của quý vị cổ đông, khách hàng và đối tác. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện

thành công các sứ mệnh và mục tiêu kinh doanh đã đặt ra để xứng đáng với niềm tin vững chắc mà quý vị cổ đông và khách hàng đã và sẽ tiếp tục dành cho Công ty

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai, tôi xin chúc các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và đối tác năm 2013 một năm An khang-Thịnh vượng- Hạnh phúc và Thành công!

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Sâm

PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổng Giám đốc Nguyễn Thị Bạch Mai

Kính thưa quý khách hàng, đối tác và quý vị cổ đông!

- Năm 2012 được coi là một trong những năm kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng nợ công ở châu Âu tiếp tục sa lầy mà lối thoát thì chưa thực sự rõ ràng, kinh tế Mỹ, Nhật Bản đều không mấy khả quan. Các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil ... đều không còn giữ được phong độ tăng trưởng lạc quan như khoảng 3 – 5 năm trước.
- Nhìn chung tình hình tăng trưởng kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn. Quan hệ về đầu tư và xuất nhập khẩu của các nước với Việt Nam về cơ bản chưa có gì khởi sắc.
- Tình hình kinh tế thế giới và khu vực đã ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành khai thác cảng nói riêng trong đó có Công ty CP Cảng Đồng Nai
- Thực tế là tại khu vực phía nam, hệ thống cảng biển đang rơi vào tình trạng khủng hoảng thừa, khu vực Thị Vải Cái Mép ngoài các cảng khai thác hàng tổng hợp hiện hữu như Phú Mỹ, cảng Thép Miền nam, Cảng dầu khí PTSC, Cảng Interfloor còn có

một số cảng container chuyển sang khai thác hàng rời như : TCCT, SP PSA, SITV đây là những cảng có công suất rất lớn có thể tiếp nhận tàu lên đến 100.000 tấn, những cảng này sẽ hút hàng trực tiếp từ các cảng khai thác hàng tổng hợp hiện hữu trong đó có hệ thống cảng Gò Dầu của chúng ta.

- Ngoài yếu tố bị chia sẻ bởi nhiều cảng trong khu vực, còn yếu tố khác kim ngạch xuất nhập khẩu giảm dẫn đến việc lưu thông hàng hóa qua các cảng giảm theo.
- Đối với khu vực cảng Long Bình Tân, giai đoạn đầu khách hàng chưa quen sử dụng, các hãng tàu container liên tục lỗ do đó họ cắt giảm sử dụng nhiều ICD, Depot để tiết giảm nhân sự, tiết giảm chi phí cho nên việc thuyết phục các hãng tàu và các chủ hàng trực tiếp vẫn còn nhiều khó khăn
- Tình hình khủng hoảng nợ công, chính sách cắt giảm ngân sách đầu tư công trong năm 2012 đã khiến cho thị trường ngành xây dựng bị đóng băng và một số dự án quốc gia bị tạm ngưng làm ảnh hưởng trực tiếp đến sự lưu thông của nhóm hàng chủ lực qua cảng như bột đá, sắt thép, cọc bê tông, than đá, alumina...
- Do biến động giá nhiên liệu 5 lần trong năm, chỉ số tiêu dùng CPI, tỷ giá hối đoái, đặc biệt những tháng đầu năm 2012 đã làm tăng chi phí sản xuất, vì thế chi phí đầu vào phục vụ sản xuất như giá thuê nhân công, thuê thiết bị cũng tăng.
- Vì vậy việc khai thác nguồn hàng để gia tăng doanh thu như kế hoạch đã lập từ đầu năm 2012 gặp nhiều khó khăn và bài toán lợi nhuận trong kinh doanh là vấn đề nan giải. Việc đảm bảo được chỉ tiêu lợi nhuận đã được giao vào đầu năm đạt và vượt so với kế hoạch đề ra là một nỗ lực rất lớn của Ban lãnh đạo công ty trong quá trình điều hành.

Trong bối cảnh đó, trước sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã cùng với nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà đại hội đồng cổ đông đã giao cho cụ thể: tổng doanh thu: 173,945 tỷ đồng, đạt 137,16% so với cùng kỳ, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là: 46,727 tỷ đồng đạt 129,35% so với cùng kỳ, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt: 5.407 đồng/cổ phiếu.

Khép lại tình hình sản xuất kinh doanh năm 2012 với những kết quả đã kể trên, hướng đến năm 2013 với những dự báo tình hình trong năm cũng có nhiều biến động:

- Diễn biến kinh tế Việt Nam năm 2013 là một trong những năm không dễ dự báo nếu chỉ căn cứ vào những diễn biến tình hình thực tế của năm 2012 và các yếu tố tác động khác sẽ diễn ra trong thời gian sắp tới.
- Đã có một số chuyên gia cao cấp ở một số lĩnh vực đưa ra dự báo về kinh tế thế giới năm 2013 và đều nhận định là không mấy khả quan so với năm 2012, thậm chí còn có một số dự báo cho rằng khủng hoảng kinh tế thế giới sẽ lên tới đỉnh điểm vào năm 2013.

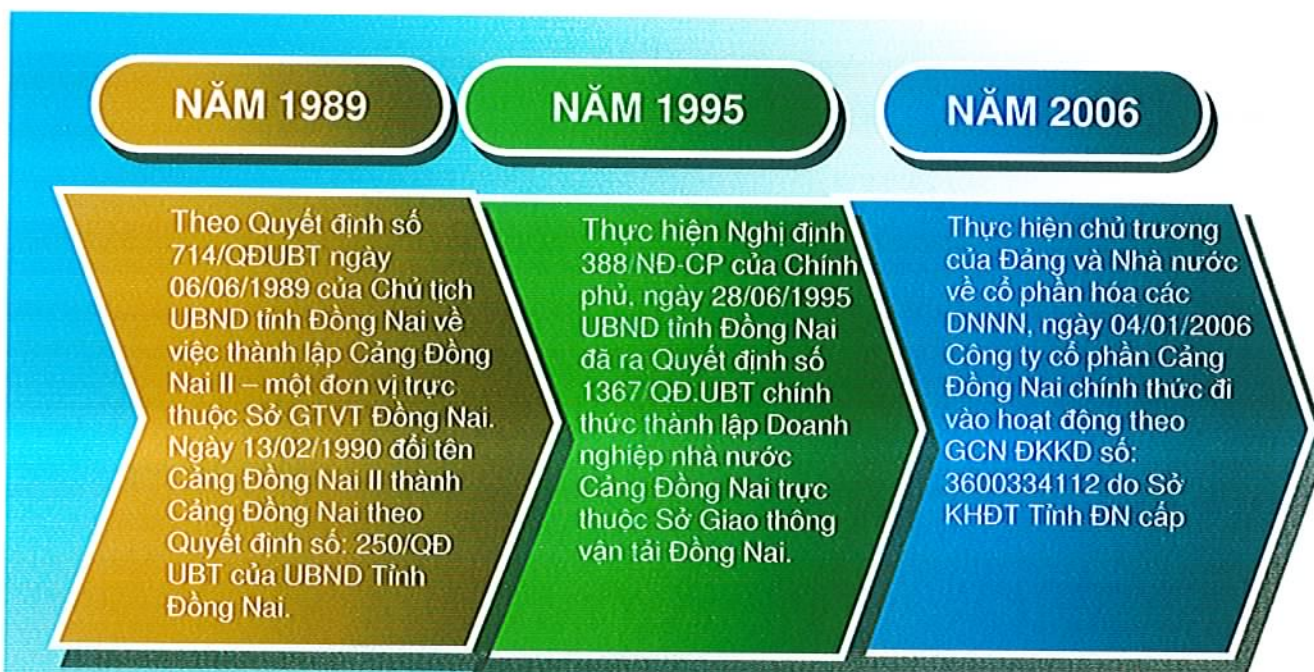
Với dự báo tình hình như đã nhận định, bằng những giải pháp cụ thể, Ban điều hành sẽ cố gắng vượt mọi khó khăn, phấn đấu để hoàn thành kế hoạch năm 2013 mà Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Thay mặt Ban điều hành một lần nữa tôi xin gửi đến toàn thể quý khách hàng và quý cổ đông lời chúc sức khỏe và hạnh phúc./.

Trân trọng.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Thị Bạch Mai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY



Từ năm 2006 đến nay, công ty đã trải qua ba lần tăng vốn điều lệ:



<p>Từ 04/01/2006 Đến 28/02/2008</p> <p>VỐN ĐIỀU LỆ 34,990 tỷ Đồng</p>	<p>Từ 29/02/2008 Đến 29/06/2008</p> <p>VỐN ĐIỀU LỆ 49 tỷ Đồng</p>	<p>Từ 30/06/2008 Đến 30/11/2010</p> <p>VỐN ĐIỀU LỆ 51,450 tỷ Đồng</p>	<p>Từ 31/11/2010 Đến Hiện tại</p> <p>VỐN ĐIỀU LỆ 82,320 tỷ Đồng</p>
---	---	---	---

NHỮNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY

- Năm 1995 chính thức thành lập doanh nghiệp nhà nước Cảng Đồng Nai theo Quyết định số 1367/QĐUBT, đến năm 2006 chuyển đổi từ năm Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần
- Năm 2011 Công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là PDN.
- *Căn cứ theo giấy phép ĐKKD đã được Phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp giấy phép thay đổi lần thứ 3, các ngành nghề hoạt động bao gồm:*

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.	5210
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
3	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ vận tải đường biển, dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
5	Bốc xếp hàng hóa: Bốc xếp hàng hóa cảng biển	5224
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác	4933
7	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
8	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
9	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống: Bán buôn thóc, ngô và các loại ngũ cốc khác, bán buôn nông, lâm sản, nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa)	4620
10	Vận tải hàng khác đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt): Vận tải hàng khách bằng taxi	4931
11	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329

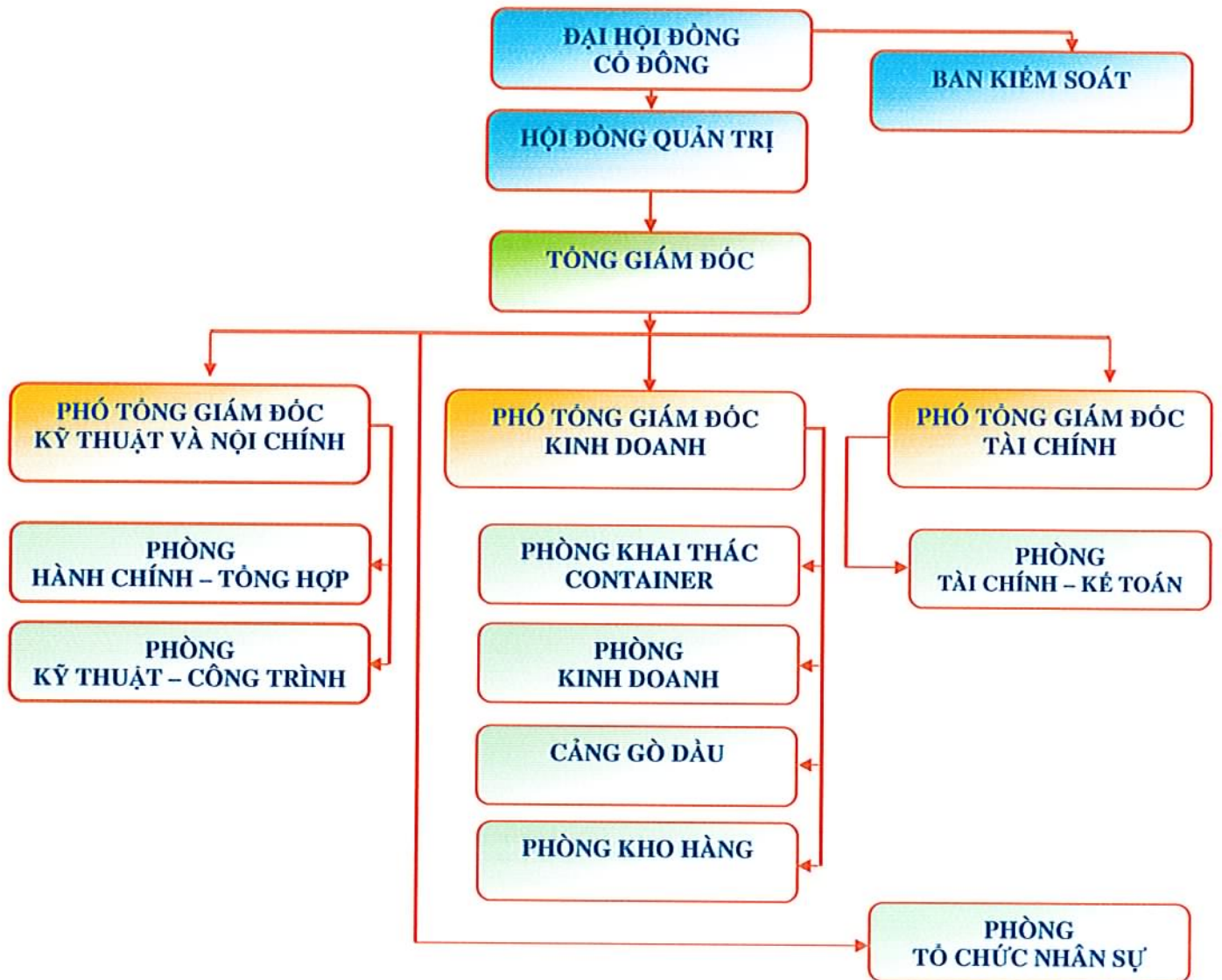
12	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810

- Các ngành nghề chính và cơ cấu doanh thu theo ngành qua các năm của Công ty như sau:

DVT: Tỷ đồng

DOANH THU TÊN NGÀNH	NĂM 2009		NĂM 2010		NĂM 2011		NĂM 2012	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Mã ngành 52109: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác	14	18	16	17	18	15	23	14
Mã ngành 52243: Bốc xếp hàng hóa cảng biển	49	61	64	70	86	72	126	75
Mã ngành 52299: Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	17	21	12	13	16	13	20	11
Tổng cộng	80	100	92	100	120	100	169	100

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HIỆN HÀNH CỦA CÔNG TY



CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN:

1. CÔNG TY NẪM GIỮ TRÊN 50% VỐN CỔ PHẦN/VỐN GÓP CỦA TỔ CHỨC

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Tổng Công ty Phát triển KCN	4.198.320	51,00%

2. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

STT	TÊN ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ VỐN GÓP (VNĐ)
<i>I</i>	<i>Công ty liên kết</i>	<i>22.551.750.000</i>
1	Cty CP Cảng Long Thành	1.665.000.000
2	Công ty CP Dịch Vụ Hàng Hải Đồng Nai	7.386.750.000
3	Công ty CP Dịch vụ cảng Đồng Nai	13.500.000.000
<i>II</i>	<i>Đầu tư dài hạn khác</i>	<i>7.000.000.000</i>
1	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	7.000.000.000
	TỔNG CỘNG	29.551.750.000

3. TÓM TẮT VỀ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

- Công ty CP Cảng Long Thành, Công CP DV Hàng Hải ĐN và Công ty CP dịch vụ Cảng Đồng Nai là các công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, hạ tầng cảng biển và xếp dỡ hàng hóa, tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm 2012 rất khả quan.
- Công ty CP Sonadezi Châu Đức: công ty này kinh doanh về hạ tầng và đang trong giai đoạn triển khai các dự án đầu tư, về lợi nhuận đa phần là đầu tư ngắn hạn vào ngân hàng: lãi tiền gửi có kỳ hạn

Các công ty liên kết đã chi trả cổ tức cho công ty CP Cảng Đồng Nai như sau:

STT	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ TIỀN CỔ TỨC (VNĐ)
1	Cty CP Cảng Long Thành	897.435.000
2	Công ty CP Dịch Vụ Hàng Hải Đồng Nai	1.266.289.000
3	Công ty CP Dịch vụ cảng Đồng Nai	405.000.000
4	Công ty CP Sonadezi Châu Đức	252.000.000
	TỔNG CỘNG	2.820.724.000

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

SỨ MỆNH

- Mang lại chuỗi cung ứng tốt nhất cho khách hàng và lợi ích bền vững cho nhà đầu tư.
- Hoạt động hiệu quả, an toàn, môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện.
- Càng Đồng Nai nỗ lực vì sự phát triển kinh tế, góp phần xây dựng Tỉnh Đồng Nai theo hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa.

TẦM NHÌN

“Hướng tới sản lượng hai mươi triệu tấn xếp dỡ vào năm 2020”

NĂNG LỰC CỐT LÕI

DNP hoạt động hiệu quả, uy tín và phát triển bền vững.

Dịch vụ chất lượng, đảm bảo các tiêu chí:

- ↳ Nhanh.
- ↳ Linh hoạt.
- ↳ An toàn.
- ↳ Chi phí thấp nhất.
- ↳ Tiện lợi cho khách hàng.
- ↳ Kịp thời.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1	TRÁCH NHIỆM
2	HỢP TÁC
3	HÀNH ĐỘNG
4	ẢNH HƯỞNG TÍCH CỰC
5	ĐẠT MỤC TIÊU

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Cũng như các ngành nghề kinh doanh khác, hoạt động cầu cảng, cho thuê bến bãi ... của Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ sự thay đổi của nền kinh tế toàn cầu. Khi nền kinh tế tăng trưởng tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và ngược lại. Điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong giai đoạn từ năm 2008 đến nay đã tác động đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và đến hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Thêm vào đó, việc giá vật tư, xăng dầu, nguyên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, đồng thời hầu hết các doanh nghiệp trong nước cũng phải đối mặt với áp lực cạnh tranh để có thể đứng vững trong quá trình hội nhập.

Rủi ro luật pháp

Hoạt động trong thẩm quyền của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó bất kỳ điều chỉnh nào của chính sách pháp luật cũng sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro đặc thù ngành

Hoạt động khai thác cảng và dịch vụ xếp dỡ phục vụ cho nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là hoạt động xuất nhập khẩu. Sự tăng trưởng về xuất nhập khẩu luôn gắn liền với chính sách khuyến khích hay hạn chế xuất nhập khẩu của Chính phủ. Khi chính sách xuất nhập khẩu của Chính phủ thay đổi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kim ngạch xuất khẩu và hoạt động kinh doanh của Cảng Đồng Nai.

Một đặc điểm khác của các doanh nghiệp ngành cảng là đều phải đầu tư với giá trị lớn vào cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hiện đại để đảm bảo năng lực kinh doanh nên rủi ro mà hầu hết họ phải đối mặt là tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn của ngành phổ biến ở mức khá cao, trong đó chủ yếu là các khoản vay bằng ngoại tệ. Do đó, áp lực biến động tỷ giá và lãi suất lên chi phí của doanh nghiệp là rất lớn.

Điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai... gây thiệt hại về đường xá; gây ra khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh. Tuy nhiên, tỉnh Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm, thuộc vùng ít bão lụt thiên tai nên rủi ro này không lớn.

Rủi ro cạnh tranh

Việc Việt Nam chính thức gia nhập WTO là cơ hội rất lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng. Tuy nhiên, sự cạnh tranh về giá cước dịch vụ giữa các cảng trong khu vực sẽ gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, sự gia tăng về số lượng cảng mới hình thành cũng như việc mở rộng hợp tác kinh doanh, liên doanh với đối tác nước ngoài của các doanh nghiệp trong ngành sẽ làm hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn. Sự cạnh tranh tạo ra mức cước phí rẻ hơn, do vậy đây có thể là nhân tố làm ảnh hưởng đến doanh thu của các doanh nghiệp cùng ngành nói chung và của Cảng Đồng Nai nói riêng.

Để giảm thiểu rủi ro này Công ty đang cố gắng trong việc giải phóng hàng hóa nhanh cho khách hàng, cải cách thủ tục giao nhận hàng tại Cảng để rút ngắn thời gian chờ đợi cho khách hàng, thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, các nhà thầu vận tải, kinh doanh khai thác cảng để tạo thành chuỗi cung ứng dịch vụ khép kín để đưa hàng hóa từ kho nhà máy của khách hàng về đến cảng đích của nơi nhận hàng và phát huy lợi thế về vị trí địa lý thuận lợi là gần các khu công nghiệp.

Rủi ro dự án

Hiện nay Công đang trong giai đoạn tiếp tục triển khai hoặc hoàn chỉnh các hạng mục công trình nên một trong những khó khăn mà Công ty phải đối mặt là vấn đề tiến độ thực hiện công trình mà đây hoàn toàn phụ thuộc vào việc đền bù giải tỏa và tái định cư cho người dân tại khu vực do các chính sách về giá đất đai luôn thay đổi nên Công ty phải luôn cập nhật để đưa ra mức giá đền bù phù hợp cho người dân. Nhằm để giảm thiểu tối đa những khó khăn liên quan đến việc triển khai thực hiện các hạng mục này, Công ty cũng có những giải pháp như giám sát và yêu cầu các nhà thầu xây dựng thực hiện đúng tiến độ công trình để sớm đưa các hạng mục công trình đi vào khai thác, hạn chế thấp nhất các công trình dở dang kéo dài ảnh hưởng kế hoạch khai thác và phát sinh chi phí do biến động giá cả vật tư..., xúc tiến mạnh mẽ công tác đền bù và xây lắp mặt bằng các dự án đã được duyệt để đẩy nhanh tiến độ đấu thầu, thi công và đưa vào khai thác kịp tiến độ nhằm hạn chế việc bỏ lỡ cơ hội kinh doanh.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn .v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai. Nhằm hạn chế rủi ro này công ty đã và sẽ mua bảo hiểm vật chất cho các tài sản tham gia trong quá trình kinh doanh.



DONG NAI PORT

PHẦN II
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch giao	Kết quả đạt được	Tỷ lệ % So với kế hoạch	Tỷ lệ % So với cùng kỳ 2011
1	Sản lượng hàng tổng hợp	Tấn	2.800.000	2.856.994	102,03	102
2	Sản lượng hàng container	Teu	72.000	117.533	163.24	-----
3	Tổng doanh thu	Tr đồng	156.000	173.945	111,50	137,16
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	46.000	46.727	100,58	129,35
5	Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ (82,320 tỷ)	%	55,88	56,76	100,57	129,35
6	Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tr đồng	10.560	12.838	121,57	91,79
7	Cổ tức dự kiến <i>(đề nghị đề trình đại hội)</i>	%	20	20	100	105,26
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	d/cp		5.407		130,28
9	Tổng vốn đầu tư XD CB	Tr đồng	72.000	56.425	78,37	132,13

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG CÔNG TY



(Lý lịch trích ngang của các thành viên Ban TGD và kế toán trưởng kèm theo)



BÀ NGUYỄN THỊ BẠCH MAI – TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1987 – 1989 Kỹ sư Ban quản lý dự án Sở GTVT Đồng Nai.
- 1989 – 1991 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai
- 1991 – 1993 phụ trách phòng Kỹ thuật
- 1993 – 12/1999 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.
- 1/2000 – 11/2006 Phó Giám đốc Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
- 11/2006 – 3/2008 Chuyên viên chính Văn phòng UBND Tỉnh ĐN
- 3/2008 – 9/2009 Phó ban Dự án Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
- 10/2009 – 3/2010 Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 4/2010 – 6/2010 Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
- 7/2010 – Nay Phó chủ tịch HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai



ÔNG ĐỖ VĂN SÂM – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT VÀ NỘI CHÍNH

- 1982 – 1989 Cán bộ kỹ thuật Sở Giao thông Vận tải Đồng Nai.
- 1989 – 1996 Cán bộ kỹ thuật Cảng Đồng Nai.
- 1997 – 2000 Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Cảng Đồng Nai.
- 2000 – 2005 Phó Giám Đốc Cảng Đồng Nai.
- 2006 – 6/2010 Phó chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 7/2010 – Nay Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật và nội chính Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai




ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KINH DOANH

- 1995 – 1996 Nhân viên Điều độ Phân Cảng Gò Dầu – thuộc Cảng ĐN
- 1996 – 04/1998 Cán bộ phụ trách Thương vụ Cảng Đồng Nai.
- 04/1998 – 12/1998 Cán bộ phụ trách phòng thương vụ Cảng Đồng Nai.
- 12/1998 – 2000 Phó phòng thương vụ Cảng Đồng Nai.
- 2000 – 2005 Trưởng phòng khai thác thương vụ Cảng Đồng Nai.
- 2006 – 08/2007 Trưởng phòng khai thác – Điều độ Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 09/2007 – 08/2009 Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Cảng Đồng Nai.
- 09/2009 – 2/2012 trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Khai thác container Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 3/2012 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh kiêm Trưởng phòng khai thác container Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai



BÀ NGUYỄN THỊ KIM CHI – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

- 1978 – 04/1986 Kế toán trưởng Xí nghiệp Vận tải ô tô số 1 – Bà Rịa – Vũng Tàu.
- 05/1986 – 05/1989 Nhân viên Kế toán Công ty Vận tải Hàng hóa Đồng Nai.
- 06/1989 – 2005 Kế toán trưởng Cảng Đồng Nai.
- 2006 – 10/2009 Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 11/2009 – 4/2011: thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 4/2011 – nay: Phó Tổng Giám đốc Tài chính Công ty CP Cảng Đồng Nai

	<p>BÀ VÒNG THỊ THÚY PHƯỢNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ 12/1978 – 4/1986: Nhân viên kế toán Xí nghiệp hợp doanh Bà Rịa Vũng Tàu ▪ 05/1986 – 10/1991: Nhân viên kế toán Công ty vận tải hàng hóa Đồng Nai ▪ 11/1991 – 11/1998: Nhân viên Phòng kế toán tài vụ Cảng Đồng Nai ▪ 12/1998 – 10/2009 : Phó phòng kế toán tài vụ Cảng Đồng Nai nay là Công ty CP Cảng Đồng Nai ▪ 11/2009 - Nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán tài vụ (nay là Phòng Tài chính – Kế toán) Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai.
---	---

SỐ LƯỢNG CBCNV VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

a- Số lượng người lao động trong Công ty

- Tính đến thời điểm ngày 31/03/2013, tổng số lao động của Công ty là người được phân theo cơ cấu như sau:

CƠ CẤU LAO ĐỘNG PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Phân theo trình độ lao động	215	100%
Trên đại học	7	3,26%
Đại học	76	35,35%
Cao đẳng + Trung cấp	34	15,81%
Công nhân kỹ thuật	53	24,65%
Lao động phổ thông	45	20,93%
Phân theo hợp đồng lao động	215	100%
HĐ lao động dài hạn	215	100%
HĐ lao động ngắn hạn	0	0%
HĐ thời vụ	0	0%
Tổng	215	100%

b- Chính sách đối với người lao động

- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ, yếu tố con người được Cảng Đồng Nai chú trọng đầu tư rất lớn. Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức thu nhập hấp dẫn, Công ty luôn tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo nhằm khai thác tối đa năng lực của từng CBCNV

góp phần vào sự thành công của Công ty.

c- Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ lao động theo Luật Lao động và các quy định của Pháp luật.

Về môi trường làm việc: văn phòng làm việc được thiết kế thoáng mát, môi trường thân thiện.... Lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

d- Chính sách lương, thưởng, trợ cấp cho người lao động

+ Chính sách lương, thưởng:

- Sự thành công của Cảng Đồng Nai luôn gắn liền với yếu tố con người. Do đó, lương, thưởng cho CBCNV luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban Lãnh đạo Công ty. Công ty luôn đảm bảo trả lương cho CBCNV đúng hạn. Chính sách lương thưởng được Công ty xây dựng rất tiên tiến và hấp dẫn đủ để giữ chân các Cán bộ chủ chốt của Công ty cũng như thu hút người tài.

Hàng năm, tất cả CBCNV đều được nhận thêm tháng lương thứ 13. Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân của người lao động trong 5 năm là: 12%.

+ Chính sách trợ cấp:

- Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở Cảng Đồng Nai còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Tất cả CBCNV đều được hưởng các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn lao động, Bảo hiểm thất nghiệp.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao để CBCNV có cơ hội giao lưu và trau dồi thể chất. Hàng năm CBCNV trong Công ty đều được đi tham quan, nghỉ mát để tái tạo sức lao động.

+ Chính sách thu hút và đào tạo nguồn nhân lực

Với mức thu nhập khá cao, nhiều cơ hội thăng tiến, môi trường làm việc tốt, các chính sách về lao động, đào tạo nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo chú trọng, quan tâm

nên Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự gắn bó và cống hiến hết mình của toàn thể CBCNV Công ty. Bên cạnh đó, với các chính sách của mình Cảng Đồng Nai cũng là nơi luôn thu hút được sự quan tâm của các nguồn nhân lực bên ngoài.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2012 Công ty không đầu tư tài chính, chi đầu tư các công trình xây dựng cơ bản và dự án, chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
1	Mở rộng Cảng Gò Dầu B giai đoạn 2	1.093.540.683	1.024.474.733
2	Bến tàu 30.000 DWT Gò Dầu B	407.325.834	407.325.834
3	Phao neo mũi lái tàu 15.000 DWT GDB	-	13.418.505
4	Dự án 15,7 ha đất GDB	-	32.486.527
5	Mở rộng Cảng ĐN giai đoạn II	743.892.932	148.797.000
6	Đầu nối tuyến đường từ cảng vào tuyến nhánh BH2	-	2.490.068.187
7	Chi phí đền bù mở rộng Cảng Đồng Nai giai đoạn 2 (09 ha)	32.130.318.673	27.489.481.073
8	Điều chỉnh giai đoạn 1 GDB	220.929.600	220.929.600
9	Hạng mục bãi Container 03 ha	-	4.930.228.698
10	Hạng mục san lấp bãi 5,2 ha	5.307.975.993	110.549.985
11	Hạng mục nâng cấp bến 2.000 DWT lên 5.000 DWT – phân đoạn 1	113.418.053	113.418.053
12	Nạo vét vùng thủy diện trước cầu A1, A3	1.327.242.038	-
13	Cảng Phước Thái	11.342.175	-
14	Sửa chữa bến B1	669.599.753	-
15	Móng nền nhà kho CFS	3.377.546.438	-
16	Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng cảng GDA	302.152.838	-
17	Nạo vét duy tu vùng nước trước bến B3	117.226.818	-
18	Thâm nhựa bãi B1	1.061.548.182	-
19	Dự án tổng hợp cảng GDB	554.750	-
20	Đường từ cổng cảng vào công ty Cát Phú	30.587.358	-
21	Bãi container KV1	5.770.000	-
22	Khu dịch vụ văn phòng Cảng LBT	217.850.000	-
23	Hệ thống thông tin quản trị nguồn lực doanh nghiệp	340.432.735	-
24	Mở rộng Cảng ĐN giai đoạn 1	35.184.848	-
25	Xe nâng container Kalmar Reachstacker	11.667.000	-

	Contchamp DRF450-6055M		-
	Tổng cộng	47.526.106.701	36.981.178.235

Nguồn: BCTK 2012 Công ty CP Cảng Đồng Nai

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

a – Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	KỠ TRƯỚC	KỠ BÁO CÁO	% TĂNG GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản	277.270.905.528	335.834.967.063	1,21
2	Doanh thu thuần	119.850.016.117	168.968.537.254	1,41
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	35.654.735.628	46.021.639.379	1,29
4	Lợi nhuận khác	470.832.617	706.197.094	1,50
5	Lợi nhuận trước thuế	36.125.568.245	46.727.836.473	1,29
6	Lợi nhuận sau thuế	33.686.542.530	44.508.844.240	1,32
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15.640.796.200	16.463.996.000	1,05

b - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	KỠ TRƯỚC	KỠ BÁO CÁO
1	Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán:		
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,4524	1,0983
	- Hệ số thanh toán nhanh <u>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</u> Nợ ngắn hạn	1,4493	1,0969
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:		
	- Hệ số nợ/Tổng tài sản	16,68	24,59
	- Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	20,01	32,62
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:		
	- Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	915,14	983,56
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	52,73	50,31

4	Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời:		
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	12,15	13,25
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /doanh thu thuần	28,11	26,34
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế /nguồn vốn chủ sở hữu	14,58	17,58
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	29,75	27,24

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

- Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai là Công ty mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối.
 Tính đến ngày 15/03/2013 cơ cấu theo vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

STT	Danh mục	Đơn vị tính: VNĐ	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				Cổ đông Tổ chức	Cổ đông Cá nhân
A	Cơ cấu vốn cổ phần	82.319.980.000	100,00	78,62%	21,38%
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu	53.330.410.000	64,78	64,78%	0
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu	12.816.900.000	15,57	10,16%	5,41%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu	16.172.670.000	19,65	1,77%	17,88%
B	Cơ cấu vốn cổ đông	82.319.980.000	100,00	77,28%	22,72%
1	- Cổ đông trong nước	81.971.980.000	99,58	77,28%	22,30%
	+ Cá nhân	18.358.100.000	22,30	0	22,30%
	+ Tổ chức	63.613.880.000	77,28	77,28%	0
2	- Cổ đông nước ngoài	348.000.000	0,42	0	0,42%
	+ Cá nhân	348.000.000	0,42	0	0,42%
	+ Tổ chức	0	0	0	0
3	- Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi)

- Công ty CP cảng Đồng Nai không có cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi): không có.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: cảng Đồng Nai có 8.231.998 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành.

Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có

Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: công ty đang trình đại hội đồng cổ đông về mức cổ tức năm 2012 chia cho cổ đông là :20%.

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN

a- Cổ đông/thành viên góp vốn nhà nước

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Tổng Công ty Phát triển KCN	4.198.320	51,00%

b- Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn điều lệ trở lên và tỷ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm chốt danh sách cổ đông 15/03/2013

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 15/03/2013

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ/Số điện thoại	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	Tổng Công ty Phát triển KCN	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Biên Hòa, Đồng Nai ĐT: 061 8860561	4.198.320	51,00%
02	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Sài Gòn	Trụ sở chính: Số 72 Nguyễn Huệ, P.Bến Nghé, Quận 1, Tp.HCM ĐT: 08 3 824 2897	1.134.721	13,78%
	Cộng		5.333.041	64,78%

Nguồn: Công ty CP Cảng Đồng Nai

c- Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ đến thời điểm 15/03/2013

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	Cộng	4.624.256	56,17%
01	Tổng Công ty Phát triển KCN - Đại diện: + Bà Nguyễn Thị Bạch Mai: 1.728.720 cổ phần (21%). + Ông Đỗ Văn Sâm: 823.200 cổ phần (10%). + Bà Nguyễn Thị Hạnh: 823.200 cổ phần (10%). + Ông Huỳnh Ngọc Tuấn: 823.200 cổ phần (10%).	4.198.320	51,00%
02	Quỹ Đầu tư Phát triển	308.336	3,74%
03	Công ty Cổ phần Cảng Long Thành	117.600	1,42%

(Cổ đông sáng lập không còn hạn chế chuyển nhượng từ 04/01/2009)

d- Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ/Số điện thoại	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
01	ANDREAS KARALL	30/42 Moo 13 Nurnplubwan Nongprue, Banglamung, Chonburi 20150, Thailand	12.350	0,15 %
02	PETER ERIC DENNIS	RM 209, Monterey Place, Soi Paisingtoh, Bangkok Thailand 10110	7.400	0,090 %
03	Tanioka Hiroyasu	1-3-3 Nisshin-cho, Tomakomai-shi, Hokkaido, Japan	110	0,0013 %
04	Willem Stuive	Sluispolderweg 11, 1505, HJ Zanndam, NL	14.940	0,181 %
	Cộng		34.800	0,42%



DONG NAI PORT

PHẦN III
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY

Năm 2012 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cảng Đồng Nai diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới và trong nước đang trong giai đoạn phục hồi sau suy thoái kinh tế. Tuy nhiên việc phục hồi chưa mạnh mẽ, vì vậy các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn còn bị ảnh hưởng, về kết quả hoạt động kinh doanh trong năm được thể hiện ở một số chỉ tiêu sau:

- Tổng tài sản:	335,835 tỷ đồng	đạt 121,12% so với năm 2011
- Sản lượng hàng tổng hợp	2.856.994 tấn	đạt 102% so với năm 2011
- Sản lượng hàng container	117.533 teu	đạt 163,24% so với KH 2012
- Doanh thu thuần	173,945 tỷ đồng	đạt 137,16% so với năm 2011
- Lợi nhuận trước thuế	46,727 tỷ đồng	đạt 129,35% so với năm 2011

Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2012:

Năm 2012 là năm đầy biến động và khó khăn bởi sự ảnh hưởng của việc suy thoái kinh tế toàn cầu. Nhìn chung tình hình tăng trưởng kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn. Quan hệ về đầu tư và xuất nhập khẩu của các nước với Việt Nam về cơ bản chưa có gì khởi sắc.

Khó khăn của nền kinh tế mà trực tiếp là lãi suất tăng cao, giá cả đầu vào tăng mạnh, thị trường co hẹp, nhà nước tiết giảm đầu tư, dân cắt giảm chi tiêu... một bộ phận lớn Doanh nghiệp đã vấp phải nhiều khó khăn dẫn đến phá sản. Với những khó khăn về tình hình thị trường kinh tế như trên, kéo theo đó là sự ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cảng Đồng Nai.

Tuy nhiên Cảng Đồng Nai có vị trí địa lý thuận lợi, thị phần hàng hóa dồi dào. Ngoài ra công ty có được một số khách hàng truyền thống lâu dài.

Sự hỗ trợ của các cảng biển phía Nam trong Hiệp hội cảng biển Việt Nam đã kết nối với các cảng nước sâu để trung chuyển hàng container bằng sà lan.

Đội ngũ quản lý được trẻ hóa, năng động, phong cách làm việc khoa học và bắt đầu chuyên nghiệp hơn. Sự đoàn kết thống nhất trong ty đã tập trung được toàn bộ nguồn lực, trí tuệ của đội ngũ cán bộ, triển khai thực hiện chiến lược và các chương trình hành động

của công ty; đồng thời xây dựng chương trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với mô hình sản xuất.

Các bộ phận trực tiếp tiếp xúc với khách hàng không gây phiền nhiễu cho khách hàng. Các bộ phận hỗ trợ sản xuất triển khai mọi công việc ưu tiên cho sản xuất vì thế hàng hóa xếp dỡ tại cảng được thuận tiện.

2-TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua ngày 12/04/2012 về việc giao cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc công ty CP Cảng Đồng Nai thực hiện nhiệm vụ SXKD với các chỉ tiêu sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% SO SÁNH KH
Sản lượng hàng tổng hợp	Tấn	2.800.000	2.856.994	102,03
Sản lượng hàng container	Teu	72.000	117.533	163,24
Tổng doanh thu	Tr đồng	156.000	173.945	111,50
Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	46.000	46.727	101,58
Nộp ngân sách (số phải nộp)	Tr đồng	10.560	12.838	121,57
Cổ tức	%	20	20	100

3- NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

- Trong năm 2012 Công ty đã tập trung trong việc xây dựng chính sách bán hàng: Áp dụng cho khách hàng mới, khách hàng có sản lượng cao, thực hiện các cam kết khách hàng theo các điều khoản trong hợp đồng, xác báo khối lượng đối với khách hàng đúng theo hợp đồng. Ngoài ra, công ty đã tập trung phân tích thị trường và nhu cầu khách hàng để tìm ra các giải pháp nhằm thu hút khách hàng.
- Ngoài việc xây dựng chính sách bán hàng phù hợp, Công ty đã thực hiện phân khúc khách hàng: theo tiêu chí khách hàng có đầu tư vào cảng, khách hàng có chi phí đường bộ đến cảng thấp nhất, và khách hàng nhiều sự lựa chọn để thu thập nguồn thông tin và đề ra kế hoạch tiếp thị và quảng bá. Việc phân khúc khách hàng dựa theo mức độ hấp dẫn của Cảng đối với khách hàng và sản lượng khách hàng cam kết thực hiện để thiết

lập chính sách bán hàng linh hoạt, hiệu quả và ổn định => điều này đảm bảo sản lượng hàng qua cảng ổn định.

- Năm 2012 mặc dù tình hình kinh tế cả nước nói chung và Cảng Đồng Nai nói riêng gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn hoàn thành kế hoạch đề ra đối với hàng container, cụ thể: sản lượng container năm 2012 tăng 64% so với kế hoạch đề ra lúc đầu năm.
- Trong năm 2012 đã hoàn thành công tác xây dựng chiến lược chung và đã xác định được các mục tiêu chiến lược của công ty. Xây dựng các nhóm chiến lược hành động và sáng kiến chiến lược.
- Đã triển khai xây dựng KPI cho đội ngũ lãnh đạo và đánh giá 360 độ để có cơ sở đánh giá khách quan về nhân sự và có phương án bồi dưỡng khắc phục.
- Đã triển khai xây dựng quy chế lương mới và KPI cho từng vị trí.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với các chương trình: xây dựng sở tay văn hóa, thành lập nhóm thủ lĩnh tinh thần, phát động các phong trào văn hóa công sở như làm sơ đồ Mind map, phong trào Self talk, làm bảng tin nội bộ...

4- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

a) Tình hình tài sản:

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.
- Giá trị tài sản cố định theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I.	Tài sản cố định hữu hình	272.180.079.536	116.280.003.644	155.900.075.892
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	203.578.067.395	90.909.394.949	112.668.672.446
2	Máy móc thiết bị	39.184.165.287	7.476.195.666	31.707.969.621
3	Phương tiện vận tải	25.305.921.027	15.508.596.830	9.797.324.197
4	Dụng cụ quản lý	3.267.830.466	1.541.720.838	1.726.109.628
5	TSCĐ khác	844.095.361	844.095.361	0

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
II.	Tài sản cố định vô hình	2.175.963.207	2.020.796.548	155.166.659
1	Quyền sử dụng đất	1.818.363.207	1.818.363.207	0
2	Phần mềm máy tính, khác	339.600.000	184.433.341	155.166.659
3	TSCĐ vô hình khác	18.000.000	18.000.000	0

b) Tình hình nợ phải trả:

Dvt: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	01/01/2012
Nợ ngắn hạn	75.682.155.917	26.139.244.462
Vay và nợ ngắn hạn	33.744.873.730	6.000.000.000
Phải trả người bán	14.485.413.287	7.679.831.115
Người mua trả tiền trước	44.667.202	33.937.413
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	703.706.958	3.428.174.142
Phải trả người lao động	12.010.559.695	5.486.536.185
Chi phí phải trả	817.787.062	87.208.644
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.458.485.923	2.292.195.484
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.416.662.060	1.131.361.479
Nợ dài hạn	6.912.256.829	20.099.565.150
Vay và nợ dài hạn	5.790.000.000	17.707.148.050
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	443.821.406
Doanh thu chưa thực hiện	1.122.256.829	1.948.595.694
Tổng cộng	82.594.412.746	46.238.809.612

Nguồn: BCKT 2012 Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

5- TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

- Cảng Đồng Nai được đánh giá là một cảng có quy mô tương đối lớn, với sản lượng xếp dỡ hàng năm khoảng trên 2 triệu tấn hàng hóa. Doanh số hàng năm đều phát triển năm sau cao hơn năm trước. So với các doanh nghiệp khác trong ngành, Cảng Đồng Nai có những ưu thế nhất định mà không phải doanh nghiệp nào cũng có được.

+ Về vị trí địa lý:

- Cảng Đồng Nai tọa lạc tại khu vực tứ giác kinh tế (Đồng Nai – Bình Dương – Vũng Tàu – Tp.HCM) được xem là năng động nhất nước. Nơi tập trung rất nhiều Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế, với hàng ngàn doanh nghiệp lớn nhỏ

trong và ngoài nước hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ngoài ra tại khu vực Long Bình Tân được đánh giá là khu vực trung tâm cho việc vận chuyển hàng hóa container từ các ICD đến các khu công nghiệp. Tất cả các đầu mối giao thông đều đi qua khu vực này, rút ngắn khoảng cách, thời gian và chi phí vận chuyển hàng hóa đến các Công ty trong khu công nghiệp.

+ Về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu trong kinh doanh hàng năm bình quân tăng 10-17%/năm. Bên cạnh đó công ty luôn đầu tư và phát triển bền vững, tổng tài sản tăng trưởng bình quân trong 5 năm là: 14%.

+ Về uy tín thương hiệu:

- Với phương châm “là đối tác đồng hành, cung cấp các dịch vụ tốt nhất cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả và phát triển”, Cảng Đồng Nai với thương hiệu hơn 20 năm trong ngành luôn nhận được sự tín nhiệm của khách hàng. Ngoài ra, với những đóng góp của mình cho sự phát triển kinh tế xã hội, Cảng Đồng Nai còn nhận được những bằng khen, huân chương lao động và cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ và các cơ quan, ban ngành trong và ngoài tỉnh.

+ Về tín nhiệm tài chính:

- Cảng Đồng Nai luôn nhận được sự tín nhiệm về tài chính của các định chế tài chính cũng như các đối tác kinh doanh với Công ty.

+ Về nguồn nhân lực:

- Ban lãnh đạo và đội ngũ CBCNV Công ty có trình độ chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm trong ngành, tâm huyết, gắn bó với Công ty, luôn nỗ lực cống hiến vì sự thành công của Công ty.



DONG NAI PORT

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1- ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

- HĐQT đã giám sát chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2012 đặt ra. Trong năm 2012 Hội đồng quản trị đã ban hành 08 Nghị quyết để điều hành hoạt động.
- Hội đồng quản trị đã lấy ý kiến và ban hành các Quy chế và Nghị quyết sau: Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Cảng Đồng Nai tại các doanh nghiệp khác; Ban hành Chiến lược của Công ty giai đoạn 2012 – 2017; Nghị quyết về sát nhập Cảng Gò Dầu A và Cảng Gò Dầu B thành Cảng Gò Dầu.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2012 (chi tiết như bảng số liệu ở trên)
- Thực hiện theo điều lệ Công ty, hàng quý HĐQT Công ty đều tổ chức các cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các nội dung thuộc trách nhiệm của HĐQT. Ngoài các cuộc họp định kỳ, HĐQT cũng có những cuộc họp đột xuất hoặc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để xử lý các công việc.
- Tất cả các cuộc họp của HĐQT đều có các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp. Các thành viên HĐQT đều tham dự họp đầy đủ.
- Ngoài ra HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định theo trách nhiệm của HĐQT để điều hành các công việc theo quy định của Điều lệ Công ty

2- ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

- Kết quả giám sát các hoạt động điều hành công ty của Tổng Giám đốc luôn thực hiện theo nội dung các Nghị quyết đã ban hành của HĐQT.
- Trong năm 2012 Công ty đã thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất theo các nội dung quy định và yêu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM dành cho các công ty niêm yết. Tuy nhiên trong năm 2012 Công ty đã triển khai nộp chậm một số báo cáo theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM vì vậy Sở giao dịch đã có công văn nhắc nhở đơn vị nộp báo cáo đúng thời hạn.

3- KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- a. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

theo nhiệm vụ, quyền hạn được quy định.

- Thực hiện theo Nghị quyết HĐQT, Tổng Giám đốc đã chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ để thực hiện công tác tổ chức sát nhập 2 cảng GDA,B thành 1 cụm Cảng Gò Dầu nhằm tối đa hóa nguồn nhân lực, tăng cường công tác quản lý tại đơn vị.
- Hàng quý Hội đồng quản trị sẽ tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Qua các báo cáo, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Ban điều hành, Hội đồng quản trị sẽ có những ý kiến đóng góp trong điều hành và chỉ đạo.
- Ngoài ra Hội đồng quản trị sẽ tổ chức các phiên họp bất thường nếu có đề giải quyết, xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

b. Định hướng phát triển của Công ty:

- Xác định các chiến lược lâu dài và chiến lược trước mắt của Công ty. Tập trung vào sáng kiến chiến lược và chiến lược hành động để chỉ đạo và tạo điều kiện cho Ban điều hành.
- Chỉ đạo Ban điều hành để hoàn thành các chương trình mục tiêu được xây dựng theo chiến lược lâu dài và chiến lược trước mắt. Có chương trình hành động cụ thể và duy trì các chương trình hành động để đưa chiến lược của Công ty vào hoạt động
- Định hướng và đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty theo chương trình chiến lược đã xây dựng.
- Áp dụng Công nghệ thông tin để xây dựng hệ thống quy trình, quy chế đáp ứng điều hành, quản lý, giám sát chặt chẽ sản xuất, làm tốt công tác quản trị.
- Xây dựng kế hoạch, mục tiêu hành động cho từng tháng, từng quý, hàng năm; có chỉ tiêu đo lường cụ thể.
- Triển khai hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty để tăng cường việc kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, tiến hành phân tích, đánh giá, dự báo đảm bảo thực hiện đúng định hướng phát triển và đảm bảo tiến độ kế hoạch; phát hiện những vướng mắc để đề xuất với Ban lãnh đạo kịp thời giải quyết.

- Hiện nay với cơ sở hạ tầng và thiết bị bốc xếp hiện hữu thì Cảng Đồng Nai không đáp ứng được nhu cầu hàng hóa thông qua, đặc biệt là hàng container. Do đó việc đầu tư mở rộng cảng Đồng Nai ở khu vực Long Bình Tân và Cảng Gò Dầu B là cần thiết và hợp lý, đầu tư xây dựng thêm cầu bến, kho, bãi chứa hàng, cùng các công trình phụ trợ khác, thiết bị bốc xếp phục vụ khai thác hàng tổng hợp và container nhằm đáp ứng nhu cầu hàng hóa trong khu vực. Trong năm 2013 Công ty sẽ tiếp tục triển khai thực hiện 2 dự án để mở rộng cảng, nội dung dự án theo như tờ trình đã trình trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



(Lý lịch trích ngang của các thành viên HDQT kèm theo)



ÔNG ĐỖ VĂN SÂM CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lý lịch trích ngang đã nêu trong mục Ban TGD



BÀ NGUYỄN THỊ BẠCH MAI – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Lý lịch trích ngang đã nêu trong mục Ban TGD



ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN – THÀNH VIÊN HĐQT

Lý lịch trích ngang đã nêu trong mục Ban TGD



ÔNG PHAN TRỌNG DŨNG – THÀNH VIÊN HĐQT

- 06/1994 – 09/1995 Chuyên viên Quản lý Tài chính doanh nghiệp Sở tài chính Đồng Nai.
- 09/1995 – 10/1999 Phó phòng Nghiệp vụ I Cục quản lý Vốn – Tài sản Nhà Nước tại doanh nghiệp Đồng Nai.
- 10/1999 – 5/2004 Phó phòng Nghiệp vụ I Chi cục Tài chính doanh nghiệp Đồng Nai.
- 5/2004 – 2/2006 Phó phòng Kế hoạch tổng hợp Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.
- 2/2006 – Nay Thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Đồng Nai, Phó Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai.



ÔNG HUỖNH NGỌC TUẤN – THÀNH VIÊN HĐQT

- 06/1995 – 09/2005: nhân viên kế toán, xuất nhập khẩu Công ty May Công nghiệp Đồng Nai
- 10/2005 – 11/2006 : nhân viên kế toán Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 12/2006 – 27/04/2011: Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 28/04/2011 – 10/2011: Thành viên HĐQT, Trưởng ban tài vụ Cảng Gò Dầu B – Công ty CP Cảng Đồng Nai
- 10/2011 – Nay: Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai

- Theo điều lệ của công ty, Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, nhiệm kỳ hoạt động là 5 năm, gồm:

- Đại diện phần vốn nhà nước : 3 thành viên,

- Đại diện phần vốn người lao động: 1 thành viên,

- Đại diện phần vốn cổ đông ngoài : 1 thành viên,

- Hội đồng hoạt động theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ của công ty (điều 25).

- Để thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, HĐQT đã phân công cụ thể cho từng thành viên phụ trách từng lĩnh vực theo chuyên môn nghiệp vụ của mình, cụ thể:

- Ông Đỗ Văn Sâm - Chủ tịch HĐQT: điều hành chung, phụ trách công tác đầu tư xây dựng cơ bản, hợp tác kỹ thuật.

- Bà Nguyễn Thị Bạch Mai - phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc: phụ trách công tác quy hoạch, tổ chức, kế hoạch và điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.

- Ông Huỳnh Ngọc Tuấn ủy viên HĐQT: phụ trách công tác tài chính và đầu tư chứng khoán.

- Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, ủy viên HĐQT: phụ trách công tác sản xuất kinh doanh.

- Ông Phan Trọng Dũng, ủy viên HĐQT: phụ trách công tác đối ngoại, kiểm tra, thanh tra hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai và đầu tư tài chính.

II. BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ HẠNH – TRƯỞNG BKS

- 11/1997-03/2001 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN Biên Hòa.
- 04/2001- 03/2004 Nhân viên kế toán Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển Bình Dương.
- 04/2004- 09/2004 Nhân viên kế toán Công ty Phát triển KCN BH
- 10/2004- 08/2005 Kế toán trưởng XN Phát triển Nhà Sonadezi – Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 09/2005-12/2007 Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 01/2008- 05/2009 Kế toán trưởng XN Dịch vụ KCN Sonadezi – Công ty Phát triển KCN Biên hòa.
- 06/2009 – 06/2010: Trưởng ban Kiểm soát Công ty Phát triển KCN Biên Hòa. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 07/2010 đến nay: Thành viên Hội đồng Thành viên Tổng Công ty phát triển Khu công nghiệp. Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai



ÔNG PHẠM VĂN HUY – THÀNH VIÊN BKS

- 1998 – 5/1999: Nhân viên Điều độ phân Cảng GDB tại Cảng Đồng Nai
- 6/1999 – 6/2000: Phụ trách ban điều độ phân Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
- 7/2000 – 12/2005: Trưởng ban Điều độ nay là Ban khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Cảng Đồng Nai
- 12/2005 – 7/2009: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
- 8/2009 – 09/2010: Thành viên Ban kiểm soát, Phó Giám đốc kiêm Trưởng ban Khai thác Điều độ Cảng Gò Dầu B tại Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai
- 10/2010 – 2/2012: thành viên Ban kiểm soát, Phó phòng kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 3/2012 – 10/2012: thành viên Ban kiểm soát, phụ trách phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai.
- 11/2012 – Nay: thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai



BÀ HOÀNG THỊ THU THỦY – THÀNH VIÊN BKS

- 08/1999 – 4/2004: Chuyên viên phòng Nghiệp vụ 3 chi cục tài chính doanh nghiệp
- 05/2004 – 2011: Chuyên viên phòng kế toán Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai
- 2012 – Nay: Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên, hoạt động theo quyền và nhiệm vụ được quy định tại điều lệ công ty (điều 36), cụ thể:

- Trưởng ban kiểm soát, đại diện phần vốn nhà nước.
- Thành viên ban kiểm soát, đại diện phần vốn CBCNV.
- Thành viên ban kiểm soát, đại diện phần vốn cổ đông ngoài.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Hội đồng quản trị điều hành theo đúng điều lệ của Công ty, triển khai họp thường kỳ một quý một lần và các cuộc họp đột xuất để theo dõi, chỉ đạo và đôn đốc Tổng Giám Đốc điều hành Công ty đúng theo nghị quyết của HĐQT.
- Ban Kiểm soát Công ty thực hiện theo đúng điều lệ quy định của Công ty, một năm kiểm soát hoạt động của Công ty 2 lần vào 6 tháng đầu năm và cuối năm, tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất của HĐQT.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm các công việc và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định, theo nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2012, thù lao được giải quyết cho các đối tượng trên như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đ/tháng; Phó chủ tịch: 2.500.000 đ/tháng
- Ủy viên HĐQT: 2.000.000 đ/tháng;
- Trưởng ban kiểm soát: 2.000.000đ/tháng; kiểm soát viên: 1.500.000 đ/tháng
- Hội đồng quản trị có 5 thành viên, tất cả các cá nhân có bằng, chứng chỉ quản trị công ty.
- Ban Tổng Giám đốc có 4 người, tất cả các cá nhân có bằng, chứng chỉ quản trị công ty.

QUYỀN LỢI CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG. TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI KHÁC CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Ban Tổng Giám Đốc điều hành hoạt động kinh doanh trên cơ sở quyền và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của công ty,
- Về chính sách tiền lương của ban Tổng Giám Đốc được giải quyết vận dụng chi trả theo nghị định số 203/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính Phủ và các thông tư hướng dẫn của Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội .
- Về tiền thưởng được hưởng theo quy định theo nghị định số 199/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN/VỐN GÓP VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NẪM GIỮ CỔ PHẦN/VỐN GÓP CỦA THÀNH VIÊN HĐQT:

- Tính đến ngày 15/03/2013 tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT như sau:

HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU %	GHI CHÚ
1- Đỗ Văn Sâm	861.343,8	10,40	
- Sở hữu	38.144	0,40	
- Đại diện sở hữu	823.199,8	10,00	Tổng Công ty Phát triển khu Công nghiệp
2- Nguyễn Thị Bạch Mai	1.740.905,58	21,14	
- Sở hữu	12.186	0,14	

- Đại diện sở hữu	1.728.719,58	21,00	Tổng Công ty Phát triển khu Công nghiệp
3- Huỳnh Ngọc Tuấn	853.103,8	10,02	
- Sở hữu	1.680	0,02	
- Đại diện sở hữu	823.199,8	10,00	Tổng Công ty Phát triển khu Công nghiệp
4- Nguyễn Ngọc Tuấn	37.520	0,45	
- Sở hữu	37.520	0,45	
5- Phan Trọng Dũng	308.336	3,74	
- Đại diện sở hữu	308.336	3.74	Quỹ đầu tư Phát Triển Đồng Nai

CÁC GIAO DỊCH CỦA NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN ĐẾN HĐQT, BKS VÀ BAN TGD:

Giao dịch cổ phiếu /chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc điều hành, Ban kiểm soát/kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Phạm Thị Thu Hương	Em gái của Ông Phạm Văn Huy – thành viên BKS	22.296	0,27%	0	0%	Chuyển quyền sở hữu cho chị gái.
2	Phạm Thị Thu Thùy	Chị gái của Ông Phạm Văn Huy – thành viên BKS	18.396	0,22%	42.032	0,51%	Nhận chuyển quyền sở hữu từ em gái và mua thêm
3	Võ Thị Trung	Mẹ của Bà Nguyễn Thị Hạnh – Trưởng ban kiểm soát	8.000	0,097%	6.390	0,077%	Bán CP để giải quyết lý do tài chính

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên HĐQT, Ban Giám Đốc điều hành, Ban kiểm soát/kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

(Không có)

- Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty): không có

BÁO CÁO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2012:

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị :

1. Các cuộc họp của HĐQT:

Thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty, hàng quý Công ty đều tổ chức các cuộc họp định kỳ và các cuộc họp đột xuất khi có yêu cầu. năm 2012 HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp. Tất cả các thành viên của HĐQT và BKS đều tham dự họp đầy đủ.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch HĐQT	8	100%	Không có
2	Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó chủ tịch HĐQT	8	100%	“
3	Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	8	100%	“
4	Ông Phan Trọng Dũng	Thành viên HĐQT	8	100%	“
5	Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	8	100%	“

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:

- + Hội đồng quản trị giám sát Ban Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- + Việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đúng thời gian, kịp thời. Đảm bảo chất lượng.
- + Hàng tháng, hàng quý Ban giám đốc Công ty đều lập báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các báo cáo theo quy định của quy chế hoạt động của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, kịp thời xử lý các công việc xảy ra thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

II. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2012:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2012/NQ-HĐQT	16/01/2012	Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2011 để thưởng cho các thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát và các cá nhân đã góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh

			năm 2011 của Công ty
2	04/2012/NQ-HĐQT	29/02/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2011 - Báo cáo các chỉ tiêu trình ĐHCĐ thường niên năm 2012 thông qua và thời gian tiến hành đại hội. - Xin chủ trương vay vốn đầu tư và vốn lưu động cho doanh nghiệp - Giới thiệu nhân sự nắm giữ phần vốn của cảng Đồng Nai tại công ty liên kết. - Việc thực hiện xây dựng chiến lược công ty, xây dựng quy chế cử người nắm giữ phần vốn của Cảng tại các công ty khác.
3	06/2012/BB-HĐQT	05/03/2012	Tổng hợp lấy ý kiến HĐQT về việc bổ nhiệm cán bộ công ty
4	09/2012/NQ-HĐQT	09/04/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công công việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 - Thống nhất phương án vay vốn lưu động và lựa chọn đơn vị để tiến hành vay vốn lưu động
5	11/2012/NQ-HĐQT	23/04/2012	Thống nhất thời gian tiến hành chi trả cổ tức lần cuối năm 2011
6	15/2012/NQ-HĐQT	31/08/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2012 - Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2012 - Báo cáo kết quả kiểm toán 6 tháng đầu năm 2012 - Xin ý kiến HĐQT về việc phê duyệt lại dự án tổng thể cảng GDA sau khi đã đầu tư tổng thể. - Báo cáo về tình hình hoạt động của các công ty liên kết
7	17/2012/NQ-HĐQT	29/11/2012	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả hoạt động SXKD 9 tháng và ước năm 2012 - Nghe TGD báo cáo về kế hoạch năm 2013 - Thống nhất thời gian tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2012 cho cổ đông hiện hữu - Thống nhất phương án vay vốn đầu tư và lựa chọn đơn vị để tiến hành vay vốn đầu tư - Thống nhất về việc nâng bậc lương cho TGD
8	19/2012/NQ-HĐQT-ĐX	30/11/2012	Thống nhất thời gian tiến hành tạm ứng cổ tức lần 1 năm 2012



DONG NAI PORT

PHẦN VI

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3004 ngày 24/08/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4703000301 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần 2 số 3600334112 ngày 27/10/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/12/2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hoạt động của Công ty là: Kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi. Dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp và vận tải. Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ. Mua bán xăng, dầu, nhớt, dầu nhờn. Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, nông sản (trừ hạt điều, bông vải), sắt, thép, gỗ tròn (từ nguồn gỗ hợp pháp). Vận chuyển hành khách bằng taxi. Mua bán vật liệu xây dựng (đất, đá, sỏi, cát). Tổ chức các dịch vụ giải trí cho thuyền viên (của hàng miễn thuế, câu lạc bộ thủy thủ). Khảo sát thiết kế và thi công công trình thủy (cảng, cầu tàu, đường giao thông trong cảng). Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất.

Trụ sở chính của Công ty tại Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông Đỗ Văn Sâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên
Ông Phan Trọng Dũng	Ủy viên
Ông Huỳnh Ngọc Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Bạch Mai	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Sâm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Từ 05/03/2012

Các thành viên của Ban kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Hạnh	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Huy	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thu Thủy	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Đỗ Văn Sâm
Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bạch Mai
Tổng Giám đốc

Số: 82/BCKTTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, được lập ngày 04/02/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)

Giám đốc



Nguyễn Thị Lan
Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên



Nguyễn Hồng Nga
Chứng chỉ KTV số: 1266/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.127.964.303	37.964.716.562
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	28.464.753.971	16.773.899.731
1. Tiền	111		5.192.010.771	9.836.639.731
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.272.743.200	6.937.260.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		51.368.780.332	18.993.350.466
1. Phải thu khách hàng	131		33.574.817.140	16.261.095.610
2. Trả trước cho người bán	132		18.784.669.118	3.708.059.431
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	2.109.439.105	243.286.388
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.100.145.031)	(1.219.090.963)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	110.879.290	81.040.352
1. Hàng tồn kho	141		110.879.290	81.040.352
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.183.550.710	2.116.426.013
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.126.623.510	1.102.192.534
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		652.946.297	651.052.576
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	403.980.903	363.180.903
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		252.707.002.760	239.306.188.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		203.581.349.252	187.674.663.317
I. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	155.900.075.892	150.486.866.253
- Nguyên giá	222		272.180.079.536	253.823.923.952
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.280.003.644)	(103.337.057.699)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	155.166.659	206.618.829
- Nguyên giá	228		2.175.963.207	2.175.963.207
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.020.796.548)	(1.969.344.378)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	47.526.106.701	36.981.178.235
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	29.551.750.000	29.551.750.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		22.551.750.000	22.551.750.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	7.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.573.903.508	22.079.775.649
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	19.573.903.508	22.079.775.649
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		335.834.967.063	277.270.905.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		82.594.412.746	46.238.809.612
I. Nợ ngắn hạn	310		75.682.155.917	26.139.244.462
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	33.744.873.730	6.000.000.000
2. Phải trả người bán	312		14.485.413.287	7.679.831.115
3. Người mua trả tiền trước	313		44.667.202	33.937.413
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	703.706.958	3.428.174.142
5. Phải trả người lao động	315		12.010.559.695	5.486.536.185
6. Chi phí phải trả	316	V.12	817.787.062	87.208.644
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13	10.458.485.923	2.292.195.484
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.416.662.060	1.131.361.479
II. Nợ dài hạn	330		6.912.256.829	20.099.565.150
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	5.790.000.000	17.707.148.050
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	443.821.406
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.122.256.829	1.948.595.694
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		253.240.554.317	231.032.095.916
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	253.240.554.317	231.032.095.916
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		82.319.980.000	82.319.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		74.434.806.545	74.434.806.545
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	154.924.062
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		54.250.394.320	40.896.010.022
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.223.309.890	5.619.977.101
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		627.225.741	306.559.183
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.384.837.821	27.299.839.003
8. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		335.834.967.063	277.270.905.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1 Tài sản thuê ngoài		.	.
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		.	.
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		.	.
4 Nợ khó đòi đã xử lý		.	.
5 Ngoại tệ các loại		.	.
- USD		46.914,85	46.690,96
- EUR		.	.
6 Dự toán chi sự nghiệp, dự án		.	.

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



Vòng Thị Thúy Phượng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	168.968.537.254	119.850.016.117
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		168.968.537.254	119.850.016.117
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	94.382.334.589	64.401.300.517
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.586.202.665	55.448.715.600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.299.423.490	5.520.638.640
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.792.569.658	3.388.005.594
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.781.952.438	2.198.612.902
8. Chi phí bán hàng	24		5.907.734.917	1.781.476.897
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.163.682.201	20.145.136.121
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		46.021.639.379	35.654.735.628
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.676.941.318	1.447.842.349
12. Chi phí khác	32	VI.6	970.744.224	977.009.732
13. Lợi nhuận khác	40		706.197.094	470.832.617
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.727.836.473	36.125.568.245
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	2.218.992.233	2.439.025.715
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.508.844.240	33.686.542.530
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	5.407	4.092

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang
Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



Vòng Thị Thủy Phương

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Bạch Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	46.727.836.473	36.125.568.245
2. Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	13.884.154.095	19.655.140.008
- Các khoản dự phòng	03	1.881.054.068	838.176.351
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(153.709.830)	736.199.760
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.692.462.261)	(4.569.714.627)
- Chi phí lãi vay	06	1.781.952.438	2.198.612.902
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	60.428.824.983	54.983.982.639
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(33.666.027.655)	(1.384.933.057)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(29.838.938)	(21.334.083)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	9.884.872.794	(8.919.226.279)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.481.441.165	(22.124.018.592)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.805.046.935)	(2.156.507.478)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.740.754.674)	(269.884.612)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.905.000	(202.663.496)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.222.269.996)	(5.021.817.843)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	30.334.105.744	14.883.597.199
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các TSDH khác	21	(30.442.922.902)	(20.245.576.417)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các TSDH khác	22	1.020.084.527	300.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
4. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(13.500.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.512.563.660	4.472.378.123
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(26.910.274.715)	(28.973.198.294)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	76.700.165.164	14.000.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(60.872.439.484)	(19.129.280.459)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.714.412.300)	(18.472.194.160)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>8.113.313.380</i>	<i>(23.601.474.619)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	11.537.144.410	(37.691.075.713)
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	16.773.899.731	54.310.051.382
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	153.709.830	154.924.062
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ (50+60+61)	70	28.464.753.971	16.773.899.731

Người lập biểu

Vũ Thị Quỳnh Trang
Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng

Võng Thị Thúy Phượng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Bạch Mai

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3004 ngày 24/08/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Giấy đăng ký kinh doanh số 4703000301 đăng ký lần đầu ngày 04/01/2006, đăng ký thay đổi lần 2 số 3600334112 ngày 27/10/2009, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 27/12/2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động của Công ty là: Kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi. Dịch vụ sửa chữa phương tiện bốc xếp và vận tải. Đại lý và dịch vụ khai thác hàng hải. Dịch vụ bốc xếp hàng hóa. Vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ. Mua bán xăng, dầu, nhớt, dầu nhờn. Mua bán, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, nông sản (trừ hạt điều, bông vải), sắt, thép, gỗ tròn (từ nguồn gỗ hợp pháp). Vận chuyển hành khách bằng taxi. Mua bán vật liệu xây dựng (đất, đá, sỏi, cát). Tổ chức các dịch vụ giải trí cho thuyền viên (của hàng miễn thuế, câu lạc bộ thủy thủ). Khảo sát thiết kế và thi công công trình thủy (cảng, cầu tàu, đường giao thông trong cảng). Đầu tư kinh doanh hạ tầng và nhà đất./.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đo Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Công ty có tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- TSCĐ khác	04 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	15 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 - 06 năm

Năm 2012 tình hình kinh doanh có nhiều khó khăn. Để phù hợp với chiến lược cạnh tranh trong giai đoạn này, thay vì áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với 02 cầu Liebherr như năm 2011, công ty đã linh hoạt áp dụng phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm. Đồng thời trong năm công ty đã đánh giá lại thời gian sử dụng ước tính so với năm 2011 của một số nhà cửa vật kiến trúc cho phù hợp với thực tế sử dụng tài sản, tăng thời gian khấu hao (từ 10 đến 25 năm trong khung cho phép theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC). Do quan điểm điều hành kinh doanh linh hoạt trên đã làm chi phí khấu hao giảm khoảng 6,9 tỷ đồng so với năm 2011.

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung dương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên số kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung, tái phát hành cổ phiếu quỹ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	589.149.901	882.893.792
Tiền gửi ngân hàng	4.602.860.870	8.953.745.939
Các khoản tương đương tiền	23.272.743.200	6.937.260.000
Cộng	28.464.753.971	16.773.899.731
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác (*)	2.109.439.105	243.286.388
Cộng	2.109.439.105	243.286.388
(*) Bao gồm:	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
- Phải thu lại Công ty xây dựng Số một Việt Sơn tiền ứng trước thi công công trình	1.208.759.715	-
- Phải thu cổ tức công ty CP DV Hàng hải Đồng Nai	633.150.000	-
- Phải thu khác	267.529.390	243.286.388
Cộng	2.109.439.105	243.286.388
3. Hàng tồn kho	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ, dụng cụ	110.879.290	81.040.352
Cộng giá gốc hàng tồn kho	110.879.290	81.040.352
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
- Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	110.879.290	81.040.352
4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tạm ứng	403.980.903	363.180.903
Cộng	403.980.903	363.180.903

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DÔNG NAI

Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cũ vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư đầu năm	188.550.550,032	36.379.092,755	25.491.907,382	2.558.278,422	844.095,361	253.823.923,952
Số tăng trong năm	15.679.937,387	2.805.072,532	278.537,455	1.045.073,589	-	19.808.620,963
- Mua sắm mới	-	2.805.072,532	278.537,455	1.045.073,589	-	4.128.683,576
- Dẫn từ NDCB hoàn thành	15.679.937,387	-	-	-	-	15.679.937,387
Số giảm trong năm	652.420,024	-	464.523,810	335.521,545	-	1.452.465,379
- Thanh lý, nhượng bán	652.420,024	-	464.523,810	47.821,545	-	1.164.765,379
- Giảm khác	-	-	-	287.700,000	-	287.700,000
Số dư cuối năm	203.578.067,395	39.184.165,287	25.305.921,027	3.267.830,466	844.095,361	272.180.079,536
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư đầu năm	82.548.706,092	5.596.266,110	13.039,041,834	1.308,945,302	844,095,361	103.337,057,699
Số tăng trong năm	8.572.801,265	1.879,929,556	2.912,342,270	467,628,834	-	13.832,701,925
- Khấu hao trong năm	8.572.801,265	1.879,929,556	2.912,342,270	467,628,834	-	13.832,701,925
Số giảm trong năm	212,112,408	-	442,790,274	234,853,298	-	889,755,980
- Thanh lý, nhượng bán	212,112,408	-	442,790,274	36,526,771	-	691,429,453
- Giảm khác	-	-	-	198,326,527	-	198,326,527
Số dư cuối năm	90.909,394,949	7.476,195,666	15.508,596,830	1.541,720,838	844,095,361	116.280,003,644
Tại ngày đầu năm	106,001,843,940	30,782,826,645	12,452,862,548	1,249,333,120	-	150,486,866,253
Tại ngày cuối năm	112,668,672,446	31,707,969,621	9,797,324,197	1,726,109,628	-	155,900,075,892

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2011:

26,965,682,445 VND

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thẻ chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2012:

5,668,559,560 VND

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31/12/2012 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

38,197,085,204 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu năm	1.818.363.207	339.600.000	18.000.000	2.175.963.207
Mua trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.818.363.207	339.600.000	18.000.000	2.175.963.207
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu năm	1.815.133.252	136.211.126	18.000.000	1.969.344.378
Khấu hao trong năm	3.229.955	48.222.215	-	51.452.170
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.818.363.207	184.433.341	18.000.000	2.020.796.548
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày đầu năm	3.229.955	203.388.874	-	206.618.829
Tại ngày cuối năm	-	155.166.659	-	155.166.659

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	47.526.106.701	36.981.178.235
- Mở rộng cảng Gò Dầu B giai đoạn 2	1.093.540.683	1.024.474.773
- Bền tàu 30.000 DWT Gò Dầu B	407.325.834	407.325.834
- Phao neo mũi lái tàu 15.000DWT GDB	-	13.418.505
- Dự án 15,7 ha đất GDB	-	32.486.527
- Mở rộng Cảng DN giai đoạn II	743.892.932	148.797.000
- Dấu nổi tuyến đường từ cảng vào tuyến nhánh BII 2	-	2.490.068.187
- Chi phí đền bù mở rộng Cảng Đồng Nai Giai đoạn 2 (09 ha)	32.130.318.673	27.489.481.073
- Điều chỉnh giai đoạn 1 GDB	220.929.600	220.929.600
- Hạ tầng bến bãi Container 03 ha	-	4.930.228.698
- Hạ tầng san lấp bãi 5,2 ha	5.307.975.993	110.549.985
- Hạ tầng nâng cấp bến 2.000DWT lên 5.000DWT- phần đoạn I	113.418.053	113.418.053
- Nạo vét vùng thủy điện trước cầu A1,A3	1.327.242.038	-
- Cảng Phước Thái	11.342.175	-
- Sửa chữa bến B1	669.599.753	-
- Móng nền nhà kho CFS	3.377.546.438	-
- Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng cảng GDA	302.152.838	-
- Nạo vét duy tu vùng nước trước bến B3	117.226.818	-
- Thâm nhựa bãi B1	1.061.548.182	-
- Dự án tổng hợp cảng GDB	554.750	-
- Đường từ cổng cảng vào công ty Cát Phú	30.587.358	-
- Bãi container KVI	5.770.000	-
- Khu dịch vụ vận phòng cảng LBT	217.850.000	-
- Hệ thống thông tin quản trị nguồn lực doanh nghiệp	340.432.735	-
- Mở rộng cảng DN giai đoạn I	35.184.848	-
- Xe nâng container Kalmar Reachstacker Contchamp DRF450-6055M	11.667.000	-
Cộng	47.526.106.701	36.981.178.235

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	22.551.750.000	22.551.750.000
Đầu tư dài hạn khác	7.000.000.000	7.000.000.000
- Đầu tư cổ phiếu	7.000.000.000	7.000.000.000
- Công ty CP Sonadezi Châu Đức - 700.000 cổ phiếu	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	29.551.750.000	29.551.750.000

(*) Các khoản đầu tư vào công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty	31/12/2012			01/01/2012	
	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị vốn góp VND
- Công ty CP Cảng Long Thành	183.150	30%	1.665.000.000	30%	1.665.000.000
- Công ty CP DV hàng hải Đồng Nai	633.150	28%	7.386.750.000	28%	7.386.750.000
- Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	1.350.000	45%	13.500.000.000	45%	13.500.000.000
Cộng			22.551.750.000		22.551.750.000

9. Chi phí trả trước dài hạn	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCD chờ phân bổ	2.247.134.074	3.739.183.231
Giá trị còn lại của CCDC chờ phân bổ	360.422.193	978.288.837
Chi phí đền bù đất (*)	16.966.347.241	17.362.303.581
Cộng	19.573.903.508	22.079.775.649

(*) Là khoản tiền đền bù khu đất 3ha được trừ dần vào tiền thuê đất hàng năm theo quyết định số 2501/QĐ-UBND ngày 21/09/2010 của UBND tỉnh Đồng Nai và hợp đồng thuê đất số 06/HĐTD ngày 10/2/2011.

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	32.534.873.730	6.000.000.000
- Vay ngân hàng	32.534.873.730	-
- Vay cá nhân	-	6.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	1.210.000.000	-
Cộng	33.744.873.730	6.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Các khoản vay ngắn hạn bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
31/12/VC BBH	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	theo từng GNN	6 tháng	19.866.528.747	Thế chấp tài sản
01 CDN 2 012 HDT D	NH TMCP Công Thương - CN KCN Biên Hòa	theo từng GNN	8 tháng	12.668.344.983	Tin chấp
Cộng				32.534.873.730	

(**) Các khoản nợ dài hạn đến hạn trả bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
61 2012/H DTD-ID	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	12%	60 tháng	1.210.000.000	Thế chấp tài sản
Cộng				1.210.000.000	

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	486.362.047	8.124.488
Thuế thu nhập cá nhân	217.344.911	124.960.180
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	3.295.089.474
Cộng	703.706.958	3.428.174.142

12. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lãi vay	64.114.147	87.208.644
Chi phí thuế thiết bị xếp dỡ, công nhân	743.261.415	-
Chi phí khác	10.411.500	-
Cộng	817.787.062	87.208.644

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	270.696.440	211.985.231
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	10.187.789.483	2.080.210.253
Cộng	10.458.485.923	2.292.195.484

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(*) Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm:

- Cổ tức phải trả	8.393.397.740	467.013.840
- Phải trả về tiền đền bù trạm nước xã Phước Thái, nợ vét luồng vào Cảng Gò Dầu	1.373.382.250	1.373.382.250
- Phải trả khác	421.009.493	239.814.163
Cộng	10.187.789.483	2.080.210.253

14. Vay và nợ dài hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	5.790.000.000	17.707.148.050
- Vay ngân hàng	-	13.081.296.530
- Vay đối tượng khác	5.790.000.000	4.625.851.520
	5.790.000.000	17.707.148.050

Các khoản vay dài hạn bao gồm:

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc (VND)	Phương thức đảm bảo khoản vay
61.2012.H ĐTD-TD	Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	12%	60 tháng	5.790.000.000	Thế chấp tài sản
Cộng				5.790.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG DÔNG NAI

Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cáo năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính VNĐ
Số dư đầu năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	672.969.355	27.635.951.658	4.087.181.185	-	31.111.897.168	
- Tăng trong kỳ			736.199.760					
- Giảm trong kỳ			(1.254.245.053)					
- Lãi trong kỳ							33.686.542.530	
- Trích quỹ đầu tư phát triển phần thuế TNDN 2009, 2010 được giảm				2.530.486.950			(2.530.486.950)	
- Phân phối lợi nhuận năm 2010				10.729.571.314	1.532.795.916	306.559.183	(26.736.115.746)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				10.729.571.314			(10.729.571.314)	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					1.532.795.916		(1.532.795.916)	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(3.065.391.833)	
+ Quỹ khen thưởng ban điều hành							(400.000.000)	
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ						306.559.183	(306.559.183)	
+ Chia cổ tức 2010 bằng tiền							(10.701.397.400)	
- Chia cổ tức 2011 bằng tiền							(8.231.998.000)	
Số dư cuối năm trước	82.319.980.000	74.434.806.545	154.924.062	40.896.010.022	5.619.977.101	306.559.183	27.299.839.003	
- Tăng trong kỳ								
- Giảm trong kỳ			(154.924.062)					
- Lãi trong kỳ							44.508.844.240	
- Phân phối lợi nhuận năm 2011				13.354.384.298	1.603.332.789	320.666.558	(26.293.847.422)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển				13.354.384.298			(13.354.384.298)	
+ Trích quỹ dự phòng tài chính					1.603.332.789		(1.603.332.789)	
+ Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ						320.666.558	(320.666.558)	
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(2.644.665.904)	
+ Trích quỹ chi cho công tác xã hội							(961.999.673)	
+ Chia cổ tức năm 2011							(7.408.798.200)	
- Tạm chia cổ tức năm 2012							(8.231.998.000)	
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi							(2.898.000.000)	
Số dư cuối kỳ	82.319.980.000	74.434.806.545	-	54.250.394.320	7.223.309.890	627.225.741	34.384.837.821	

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	%	01/01/2012 VND	%
Vốn góp của Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp	41.983.200.000	51%	41.983.200.000	51%
Vốn góp của các cổ đông khác	40.336.780.000	49%	40.336.780.000	49%
Cộng	82.319.980.000	100%	82.319.980.000	100%

c) Các giao dịch về vốn chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	82.319.980.000	82.319.980.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	82.319.980.000	82.319.980.000
- Cổ tức đã chia	15.640.796.200	18.933.595.400

d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.231.998	8.231.998
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.231.998	8.231.998
- Cổ phiếu thường	8.231.998	8.231.998
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.231.998	8.231.998
+ Cổ phiếu thường	8.231.998	8.231.998

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	168.968.537.254	119.850.016.117
Cộng	168.968.537.254	119.850.016.117

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	94.382.334.589	64.401.300.517
Cộng	94.382.334.589	64.401.300.517

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	324.989.660	1.717.415.627
Cổ tức và lợi nhuận được chia	2.820.724.000	2.552.299.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.250.924.013
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	153.709.830	-
Cộng	3.299.423.490	5.520.638.640
4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.781.952.438	2.198.612.902
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.617.220	453.192.932
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	736.199.760
Cộng	1.792.569.658	3.388.005.594
5. Thu nhập khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu tiền bồi thường	22.500.000	1.035.000.000
Thu thanh lý TSCĐ	1.020.084.527	300.000.000
Thu nhập khác	634.356.791	112.842.349
Cộng	1.676.941.318	1.447.842.349
6. Chi phí khác	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền nộp phạt thuế	355.541.478	-
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	473.335.926	-
Chi phí khảo sát, sửa chữa cầu cảng A3	-	949.472.728
Chi phí khác	141.866.820	27.537.004
Cộng	970.744.224	977.009.732
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng tại công ty là: 10% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính, thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi 12 năm kể từ năm 2009 và được giảm 50% số thuế phải nộp với thời gian 8 năm kể từ năm 2009. Đối với các hoạt động khác, công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	46.727.836.473	36.125.568.245
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(2.347.991.822)	(2.495.949.325)
- Các khoản điều chỉnh tăng	472.732.178	56.349.675
* Chi phí không hợp lệ	472.732.178	56.349.675
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.820.724.000	2.552.299.000
* Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.820.724.000	2.552.299.000
- Tổng lợi nhuận để tính thuế TNDN	44.379.844.651	33.629.618.920
<i>Trong đó:</i>		
- Thu nhập được ưu đãi miễn, giảm (10%)	44.379.844.651	32.397.735.167
- Thu nhập không được ưu đãi miễn, giảm (25%)	-	1.231.883.753
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	4.437.984.465	3.547.744.455
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	2.218.992.233	1.619.886.758
- Chi phí thuế TNDN điều chỉnh năm 2009, 2010	-	511.168.018
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>2.218.992.233</u>	<u>2.439.025.715</u>
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	44.508.844.240	33.686.542.530
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.508.844.240	33.686.542.530
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.231.998	8.231.998
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.407</u>	<u>4.092</u>
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.147.030.842	5.805.652.746
Chi phí nhân công	36.859.385.431	29.021.570.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.884.154.095	19.655.140.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.698.938.621	22.337.454.723
Chi phí bằng tiền khác	22.864.242.718	9.508.095.286
Cộng	<u>124.453.751.707</u>	<u>86.327.913.535</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Luong, thưởng và các khoản phúc lợi khác	2.476.488.000	2.666.814.629

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch chưa VAT(VND)
Tổng công ty phát triển khu công nghiệp	Công ty mẹ	Chi trả tiền cổ tức	7.976.808.000
Công ty CP Cảng Long Thành	Công ty liên kết	Nhận tiền cổ tức	897.435.000
		Cung cấp dịch vụ	622.111.626
		Cước thuê cầu cảng	30.282.960
		Lãi vay ngắn hạn	-46.027.397
		Thanh toán tiền vay	2.000.000.000
Công ty CP DV Hàng hải Đồng Nai	Công ty liên kết	Chi trả tiền cổ tức	117.600.000
		Nhận tiền cổ tức	1.266.300.000
		Cung cấp dịch vụ	3.027.316.089
Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Chi trả tiền cổ tức	84.390.400
		Nhận tiền cổ tức	405.000.000
		Cung cấp dịch vụ	88.221.240
		Cước thuê xe, xếp dỡ	11.474.369.473
		Lãi vay ngắn hạn	96.657.534
		Thanh toán tiền vay	4.000.000.000

Cho đến ngày 31/12/2012, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) (VND)
Tổng công ty phát triển khu công nghiệp	Công ty mẹ	Chi trả tiền cổ tức	(4.198.320.000)
Công ty CP Cảng Long Thành	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	81.889.084
		Cước thuê cầu cảng	(33.311.256)
		Chi trả tiền cổ tức	(117.600.000)
Công ty CP DV Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết	Cước thuê xe, xếp dỡ	(2.513.840.144)
Công ty CP DV Hàng hải Đồng Nai	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.357.976.130
		Nhận tiền cổ tức	633.150.000
		Chi trả tiền cổ tức	(44.416.000)

2. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là : Kinh doanh khai thác cầu cảng, kho bãi, dịch vụ bốc xếp hàng hóa, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG ĐỒNG NAI

Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính	Giá trị ghi số		Giá trị hợp lý	
	31/12/2012	01/01/2012	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trong tiền	28.464.753.971	16.773.899.731	28.464.753.971	16.773.899.731
Phải thu khách hàng và phải thu khác	32.584.111.214	15.285.291.035	32.584.111.214	15.285.291.035
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	68.048.865.185	39.059.190.766	68.048.865.185	39.059.190.766
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	39.534.873.730	23.707.148.050	39.534.873.730	23.707.148.050
Phải trả người bán và phải trả khác	24.673.202.770	10.203.862.774	24.673.202.770	10.203.862.774
Chi phí phải trả	817.787.062	87.208.644	817.787.062	87.208.644
Cộng	65.025.863.562	33.998.219.468	65.025.863.562	33.998.219.468

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phản ánh xi với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp từ nhiều báo ha công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2012 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn tin cậy thì giá trị hợp lý được lấy theo giá trị sổ sách.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được đo lường có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4. Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2011 và 31/12/2012 như thuyết minh V.5 Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác vào ngày 31/12/2012.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	59.235.863.562	5.790.000.000	65.025.863.562
Các khoản vay	33.744.873.730	5.790.000.000	39.534.873.730
Phải trả người bán	14.485.413.287	-	14.485.413.287
Phải trả khác	10.187.789.483	-	10.187.789.483
Chi phí phải trả	817.787.062	-	817.787.062
Số đầu năm	15.847.250.012	18.150.969.456	33.998.219.468
Các khoản vay	6.000.000.000	17.707.148.050	23.707.148.050
Phải trả người bán	7.679.831.115	-	7.679.831.115
Phải trả khác	2.080.210.253	443.821.406	2.524.031.659
Chi phí phải trả	87.208.644	-	87.208.644

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

BAN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) kiểm toán.

Người lập biểu



Vũ Thị Quỳnh Trang
Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2013

Kế toán trưởng



Võng Thị Thủy Phương

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Bạch Mai